

Số: 570/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2023
V/v ly hôn giữa bà T, ông S

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Mỹ

2/ Bà Lê Thị Thanh Dung

- Thư ký Tòa án phiên tòa: Bà Trần Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 726/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Phương T

Địa chỉ: *** Âu Dương Lâm, Phường 3, Quận 8, Tp Hồ Chí Minh.

(có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng S ;

Địa chỉ: *** Chiến Thắng, Phường 9, quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lê Thị Phương T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Phương T và ông Nguyễn Trọng S qua thời gian tìm hiểu đã tự nguyện chung sống, đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 88/2001, ngày 11/5/2001 tại UBND Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau một thời gian chung sống, từ năm 2009, hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống. Thời gian sau đó đôi bên có cố gắng hòa giải nhưng không thể hàn gắn được. Bà T đã về

nhà mẹ đẻ và hai vợ chồng chính thức ly thân từ 2015 cho đến nay. Trên thực tế giữa bà T và ông S không còn tình cảm, không còn đời sống chung. Vì vậy bà T yêu cầu ly hôn với ông S để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Ngô Minh T, sinh năm 2002 (nữ - đã trưởng thành) và Nguyễn Ngô Minh Th (nữ, sinh ngày 27/11/2013). Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Ngô Minh Th và yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con theo khả năng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bị đơn ông Nguyễn Trọng S nhiều lần nhưng bị đơn đều vắng mặt. Tòa án tiến hành xác minh tại Công an Phường 9, quận Phú Nhuận thì ông Nguyễn Trọng S có đăng ký hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại địa chỉ *** Chiến Thắng, Phường 9, quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh. Do đó Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt giấy triệu tập đối với bị đơn theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn bà Lê Thị Phương T có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu ý kiến xác định: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: đại diện Viện Kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận nhận định:

[1] *Về tố tụng:* nguyên đơn bà Lê Thị Phương T có yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Trọng S có đăng ký hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại địa chỉ *** Chiến Thắng, Phường 9, quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh, nên Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Do bị đơn ông Nguyễn Trọng S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nguyên đơn bà Lê Thị Phương T có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về hôn nhân*: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 88/2001 do UBND Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/5/2001, hôn nhân giữa bà Lê Thị Phương T và ông Nguyễn Trọng S là hợp pháp.

Xét thấy, vợ chồng phải quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau và cùng vun đắp đời sống gia đình, nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà T, ông S đã không còn sự quan tâm, chia sẻ, nhiều mâu thuẫn phát sinh không thể khắc phục, làm cho đời sống chung không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hai bên đã ly thân từ nhiều năm nay. Do đó yêu cầu của bà T được ly hôn ông S là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

[3] *Về con chung*: có 02 con chung là Nguyễn Ngô Minh T, sinh năm 2002 (nữ - đã trưởng thành) và Nguyễn Ngô Minh Th (nữ, sinh ngày 27/11/2013).

Hội đồng xét xử xét thấy, trẻ Nguyễn Ngô Minh T đã trưởng thành; Trẻ Nguyễn Ngô Minh Th có nguyện vọng được ở chung với mẹ, ông S đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không thể hiện ý kiến về việc nuôi con. Do đó yêu cầu của bà T được trực tiếp nuôi con chung là trẻ Nguyễn Ngô Minh Th là có cơ sở chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà T yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con theo khả năng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở ông thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về các vấn đề khác*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] *Về án phí*: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 48, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84 và 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1.1 Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Phương T và ông Nguyễn Trọng S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 88/2001 do UBND Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/5/2001 cho bà Lê Thị Phương T và ông Nguyễn Trọng S không còn giá trị pháp luật.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngô Minh Th (nữ, sinh ngày 27/11/2013) cho bà Lê Thị Phương T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà T yêu cầu ông S cấp dưỡng theo khả năng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở ông thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: bà Lê Thị Phương T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Thảo đã nộp theo biên lai số AA/2021/0029775 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận. Bà Thảo đã nộp đủ án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Phú Nhuận;
- CCTHADS Q.Phú Nhuận;
- UBND P.4, Quận 8;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Minh Thúy